

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày: 07-6-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Siu Thim và ông Nguyễn Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2018, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ trụ sở chính: Số M, đường L, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung H – Nhân viên Phòng Phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh L (Quyết định ủy quyền số 99/QĐ-DAB ngày 02-11-2017 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh L); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy Th và bà Nguyễn Thị L; cùng địa chỉ: thôn Th, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02-11-2017, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Trung H trình bày:

Ông Nguyễn Duy Th, bà Nguyễn Thị L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh L (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Ngày 24-7-2014, Ngân hàng và ông Th, bà L ký kết Hợp đồng vay vốn số NC0246/1, theo đó Ngân hàng cho ông Th, bà L vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, lãi suất quá hạn 12%/năm (bằng 150% lãi suất trong hạn), thời hạn vay 12 tháng để chăm sóc cà phê. Ông Th, bà L cũng đồng thời ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 47a1, tờ bản đồ số 01 tại thôn Th, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 000556 ngày 30-9-2010 mang tên ông Nguyễn Duy Th, bà Nguyễn Thị L để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th, bà L chỉ trả cho Ngân hàng 06 tháng tiền lãi là 2.200.000 đồng. Do ông Th, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 25-7-2015, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ vay của ông Th, bà L sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 07-6-2018, ông Th, bà L còn nợ Ngân hàng 50.000.000 đồng tiền gốc và 19.322.222 đồng tiền lãi, trong đó lãi trong hạn là 1.855.555 đồng, lãi quá hạn là 17.466.667 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 69.322.222 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Th, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nói trên.

Trường hợp ông Th, bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông Th, bà L đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại Bản tự khai ngày 15-01-2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Duy Th đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị L, vợ ông Th, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Đã được Tòa án nhân dân huyện Ia Grai tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên việc chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi mở phiên tòa còn vi phạm khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476, 715, 716, 717, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 24-7-2015 và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 25-7-2015 đến ngày xét xử vụ án; nếu bị đơn không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đơn khởi kiện ngày 02-11-2017 của Ngân hàng TMCP Đ đảm bảo nội dung, hình thức; người bị kiện cư trú tại lãnh thổ thuộc thẩm quyền và vay vốn với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị L hiện nay không còn cư trú tại thôn Th, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Tại các Biên bản xác minh ngày 08-12-2017 và 27-12-2017 của Tòa án, chính quyền địa phương cho biết: do mâu thuẫn với chồng là ông Nguyễn Duy Th nên bà L đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2014 cho đến nay, không ai biết bà L đang ở đâu. Vì vậy, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để bà L biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, đồng thời ông Nguyễn Duy Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th và bà L là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự trong hợp đồng vay vốn không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên phát sinh hiệu lực. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th, bà L đã vi phạm hợp đồng, không trả lãi đúng hạn, không trả nợ gốc khi đến hạn, Ngân hàng thừa nhận bị đơn chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 2.200.000 đồng. Hiện tại bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 25-7-2015, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi là có căn cứ.

Về yêu cầu trả lãi của Ngân hàng, theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng vay vốn số NC0246/1 ngày 24-7-2014 thì thời hạn vay là 12 tháng với mức lãi 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn. Do đó, tiền lãi trong hạn mà ông Th, bà L phải trả cho Ngân hàng là $50.000.000 \text{ đồng} \times 8\%/\text{năm} = 4.000.000 \text{ đồng}$; Ngân hàng thừa nhận ông Th, bà L đã trả được 2.200.000 đồng, như vậy tiền lãi trong hạn mà ông Th, bà L còn phải trả cho Ngân hàng là $4.000.000 \text{ đồng} - 2.200.000 \text{ đồng} = 1.800.000 \text{ đồng}$.

Ngày 24-7-2015 là kết thúc thời hạn cho vay. Như vậy lãi quá hạn được tính kể từ ngày 25-7-2015 đến ngày xét xử 07-6-2018 là 02 năm 10 tháng 13 ngày. Số tiền lãi quá hạn bị đơn phải trả là $50.000.000 \text{ đồng} \times 8\%/\text{năm} \times 1,5 \times 02 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 17.145.206 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Tổng cộng số tiền cần buộc ông Th, bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng là $50.000.000 \text{ đồng} + 1.800.000 \text{ đồng} + 17.145.206 \text{ đồng} = 68.945.206 \text{ đồng}$. Trong đó có 50.000.000 đồng nợ gốc, 1.800.000 đồng nợ lãi trong hạn và 17.145.206 đồng nợ lãi quá hạn.

Ông Th, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử.

[4] Hợp đồng thế chấp tài sản số NC5196/HĐTC ngày 22-7-2014 phù hợp với quy định tại Điều 343, Điều 715 của Bộ luật Dân sự năm 2005; tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Th, bà L và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của Luật Đất đai; thủ tục thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật về giao dịch đảm bảo nên phát sinh hiệu lực. Như vậy, nếu ông Th, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản thế chấp.

[5] Theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng TMCP Đ phải chịu chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng).

[6] Ông Nguyễn Duy Th, bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là $= 68.945.206 \text{ đồng} \times 5\% = 3.447.260 \text{ đồng}$.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 343, 355, 471, 474, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Duy Th, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 68.945.206 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ sáu đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.800.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 17.145.206 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Th, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay

theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Nguyễn Duy Th, bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

3. Ngân hàng TMCP Đ phải chịu chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền này Ngân hàng TMCP Đ đã nộp đủ.

4. Ông Nguyễn Duy Th, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.447.260 đồng (Ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ (thông qua Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh L) 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000459 ngày 23-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- CCTHADS huyện Ia Grai;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thành Nhơn